TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAK PƠ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày 27/8/2020
"V/v *Tranh chấp về hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ , TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Vĩnh Hưng.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Y H Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đak Pơ , tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 55/2019/TLST-DS ngày 24/12/2019 về việc "***Tranh chấp về hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 10/8/2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông L, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị đơn:** Ông C, sinh năm 1976 và bà N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Làng C, xã D, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông L trình bày:

Ông có cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng ở thôn A, xã B, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Từ tháng 01/2017 cho đến ngày 28/12/2018 ông L có bán vật liệu cho ông C và bà N với tổng số tiền là 281.392.000đ (Hai trăm tám mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng). Trong quá trình mua bán vào ngày 12/6/2017 ông C và bà N đã trả cho ông L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); ngày 27/11/2017 ông C trực tiếp trả cho ông L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và ngày 28/12/2018 bà N đã trực

tiếp trả thêm 50.000.000đ Năm mươi triệu đồng). Tổng cộng là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Như vậy ông C và bà N còn nợ ông L số tiền 131.392.000đ (Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Ông L đã nhiều lần đến gặp ông C và bà N yêu cầu trả số tiền còn nợ từ việc mua bán vật liệu xây dựng nói trên. Ông C và bà N hứa khi phân chia tài sản ai sở hữu căn nhà sẽ trả số tiền nợ vật liệu xây dựng cho ông L. Thời gian vừa qua ông đến đòi nợ thì không gặp bà N mà chỉ gặp ông C, cả ông C và bà N đều không chịu trả tiền cho ông L. Vì vậy ngày 24/12/2019 ông L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ giải quyết buộc ông C và bà N phải trả nợ cho ông L.

Tại phiên tòa ông L yêu cầu Tòa án buộc ông C và bà N phải trả dứt điểm một lần cho ông số tiền còn nợ là 131.392.000đ (Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng), không yêu cầu tiền lãi. Ông L không đồng ý việc ông C đề nghị cho kéo dài thời gian trả nợ đến khi phân chia xong tài sản chung của vợ chồng ông C, bà N. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn là ông C trình bày tại bản tự khai ngày 05/6/2020: Ông C thừa nhận là từ năm 2017 đến năm 2018 ông và bà N có mua vật liệu xây dựng nhà ở của ông L số tiền 281.392.000đ (Hai trăm tám mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng), đã trả được 150.000.000đ(Một trăm năm mươi triệu đồng). Ông C và bà N còn nợ ông L số tiền 131.392.000đ (Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng) đúng như ông L đã trình bày. Sau đó vợ chồng ông C bà N ly hôn nhưng chưa giải quyết về phần tài sản nên chưa trả tiền cho ông L. Ông đề nghị sau khi giải quyết phân chia tài sản của vợ chồng sẽ trả số tiền nợ nói trên cho ông L.

Tại phiên tòa ông C vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Bị đơn N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

3. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/6/2020 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên L (bản sao có chứng thực); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao chứng thực); 01 giấy ghi nội dung mua bán vật liệu xây dựng giữa ông L và ông C, bà N (bản gốc); Bị đơn C cung cấp: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên C; Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, xác minh: 01 biên bản xác minh ngày 20/4/2020; 01 bản sao bản án ly hôn giữa ông C và bà N.

4. Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa bị

đơn N vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 430; Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền còn nợ là 131.392.000đ (Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng) từ hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng. Buộc ông C và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Ông L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc ông C và bà N trả toàn bộ khoản nợ từ hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng. Vì bị đơn có nơi cư trú tại làng C, xã D, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn N vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn .

2. Xét về nội dung vụ án:

Qua lời khai của nguyên đơn L, bị đơn C và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2017 cho đến ngày 28/12/2018 ông L có bán vật liệu cho ông C và bà N với tổng số tiền là 281.392.000đ (Hai trăm tám mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng). Ông C và bà N đã trả cho ông L tổng cộng 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tính đến ngày 28/12/2018 ông C và bà N còn nợ ông L số tiền 131.392.000đ (Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng). Ông C thừa nhận khoản nợ và đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả nợ cho ông L. Đây là số nợ chung ông và bà N mua vật liệu xây dựng để làm nhà ở. Vì hiện nay vợ chồng ông đã ly hôn nhưng chưa phân chia tài sản chung nên chưa trả nợ cho ông Lự được.

Xét việc mua bán vật liệu xây dựng giữa ông L và ông C, bà N là hợp đồng mua bán tài sản, mục đích ông C và bà N mua vật liệu để làm nhà ở là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên ông C và bà N đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận nên ông L có đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết để buộc ông C, bà N phải trả số tiền còn nợ theo quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm

2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Ông C và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ chung.

Bị đơn N đã được biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C và bà N phải trả số tiền còn nợ từ hợp đồng mua bán tài sản.

Về tiền lãi: Nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời hạn trả nợ: Ông C và bà N đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thoả thuận trong hợp đồng mua bán tài sản, nguyên đơn là ông L yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ một lần là có cơ sở nên cần chấp nhận.

3. Xét về án phí: Ông C và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 430; Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông C và bà N phải liên đới trả cho ông L số tiền nợ gốc là 131.392.000đ (Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc ông C và bà N phải liên đới chịu 6.569.600đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí là 3.275.000 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004489 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi họ cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Pơ;
- Chi cục THADS huyện Đak Pơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Yến Ngọc